

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số: 220 / Cty

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2024 so với quý 2 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI**  
 Mã cổ phiếu: **QNW**  
 Địa chỉ: 17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi  
 Mã số thuế: 4300326264  
 Người đại diện: ông NGUYỄN ĐĂNG ĐỖ Chức vụ: Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2024 so với quý 2 năm 2023 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	29.411.050.435	18.289.972.435	11.121.078.000		29.649.004.139	18.501.156.980	11.147.847.159	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	0	0	0		0	0	0	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>29.411.050.435</b>	<b>18.289.972.435</b>	<b>11.121.078.000</b>	<b>60,8%</b>	<b>29.649.004.139</b>	<b>18.501.156.980</b>	<b>11.147.847.159</b>	<b>60,3%</b>
(10=01- 02)									
4. Giá vốn hàng bán	11	12.912.614.459	14.117.679.599	(1.205.065.140)	-8,5%	13.028.447.997	14.261.535.429	(1.233.087.432)	-8,6%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp</b>	<b>20</b>	<b>16.498.435.976</b>	<b>4.172.292.836</b>	<b>12.326.143.140</b>		<b>16.620.556.142</b>	<b>4.239.621.551</b>	<b>12.380.934.591</b>	
(20=10-11)									
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.061.685.240	1.249.731.598	(188.046.358)	-15,0%	1.061.708.899	1.249.752.927	(188.044.028)	-15,0%
7. Chi phí tài chính	22	281.296.516	258.085.481	23.211.035	9,0%	121.328.257	149.694.212	(28.365.955)	-18,9%

- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	121.328.257	149.694.212	(28.365.955)		121.328.257	149.694.212	(28.365.955)	
8. Chi phí bán hàng	25	1.292.910.141	931.239.425	361.670.716	38,8%	1.292.910.141	931.239.425	361.670.716	38,8%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.154.813.630	2.027.961.518	126.852.112	6,3%	2.307.326.354	2.169.792.211	137.534.143	6,3%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>13.831.100.929</b>	<b>2.204.738.010</b>	<b>11.626.362.919</b>	<b>527,3%</b>	<b>13.960.700.289</b>	<b>2.238.648.630</b>	<b>11.722.051.659</b>	<b>523,6%</b>
<i>(30=20+(21-22)-(25+26)</i>									
11. Thu nhập khác	31								
12. Chi phí khác	32		5.789.675	(5.789.675)	-100,0%	4.338.518	39.700.295	(35.361.777)	-89,1%
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>(5.789.675)</b>	<b>5.789.675</b>		<b>(4.338.518)</b>	<b>(39.700.295)</b>	<b>35.361.777</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>13.831.100.929</b>	<b>2.198.948.335</b>	<b>11.632.152.594</b>	<b>529,0%</b>	<b>13.956.361.771</b>	<b>2.198.948.335</b>	<b>11.757.413.436</b>	<b>534,7%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.857.924.282	513.208.067	2.344.716.215		2.857.924.282	513.208.067	2.344.716.215	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52								
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>10.973.176.647</b>	<b>1.685.740.268</b>	<b>9.287.436.379</b>	<b>550,9%</b>	<b>11.098.437.489</b>	<b>1.685.740.268</b>	<b>9.412.697.221</b>	<b>558,4%</b>
<i>(60=50-51-52)</i>									
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						11.098.437.489	1.685.740.268	9.412.697.221	558,4%
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát									
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu						554,92	84,29		
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

#### BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2024 tăng cao 550,9% so với quý 2 năm 2023 với lý do : Doanh thu bán hàng tăng cao 60,8% cụ thể là giá nước được UBND Tỉnh phê duyệt tăng từ tháng 9/2023 và năm 2024 thu đủ theo Quyết định của UBND tỉnh trong khi giá vốn hàng bán quý 2 năm 2024 giảm 8,5% so với quý 2 năm 2023

- Trong khi đó :

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm 15% do lãi suất tiền gửi có kỳ hạn giảm và chi phí tài chính tăng 9% do khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con tăng nhẹ.

+ Chi phí bán hàng tăng 38,8% và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng nhẹ 6,3%.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2024 tăng cao 550,9% so với quý 2 năm 2023



**BCTC HỢP NHẤT**

- Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2024 tăng cao 558,4% so với quý 2 năm 2023 với lý do : Doanh thu bán hàng tăng cao 60,3% cụ thể là giá nước được UBND Tỉnh phê duyệt tăng từ tháng 9/2023 và năm 2024 thu đủ theo Quyết định của UBND tỉnh trong khi giá vốn hàng bán quý 2 năm 2024 giảm 8,6% so với quý 2 năm 2023

- Trong khi đó :

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm 15% do lãi suất tiền gửi có kỳ hạn giảm và chi phí tài chính cũng giảm 18,9% do tiền lãi vay phải trả giảm dần theo dư nợ gốc giảm.

+ Chi phí bán hàng tăng 38,8% và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng nhẹ 6,3%.

Từ các chỉ tiêu nêu trên nhất là Doanh thu tiền nước tăng cao, trong khi các chỉ tiêu khác thay đổi không đáng kể, dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2024 tăng 558,4% so với quý 2 năm 2023

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu Phòng HC

